

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế-kỹ thuật xây dựng
Công trình: Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú,
xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG KIM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng; Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 3758/UBND-TCKH ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ Nghị Quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/01/2024 của HĐND xã Hoàng Kim về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ Văn bản số 41/TB-KT&HT ngày 30/01/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa;

Xét đề nghị của Công chức Địa chính - Xây dựng xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Lát đá vỉa hè tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi thôn Nghĩa Phú, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Cấp Quyết định đầu tư: Hội đồng nhân dân xã Hoàng Kim.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Kim.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Việc đầu tư lát đá vỉa hè tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, đảm bảo ATGT, chỉnh trang kiến trúc cảnh quan khu vực cửa ngõ của xã, từng bước đô thị hóa nông thôn, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn kiểu mẫu. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hoàng Kim lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2020-2025.

6. Địa điểm xây dựng: xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thăng Long 68.

8. Đơn vị thẩm định báo cáo KTKT: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa.

9. Quy mô và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

9.1. Quy mô đầu tư: Lát vỉa hè 2 bên tuyến đường tỉnh lộ TL509 đoạn qua địa bàn xã Hoàng Kim, với chiều dài khoảng 433m; chiều rộng vỉa hè B=3,0m.

9.2. Giải pháp thiết kế:

- Diện tích lát đá S=1.969,78m². Cấu tạo như sau: Lát đá tự nhiên, kích thước 20x20x4cm; VXM đệm M75 dày 2cm; Lớp lót bê tông đá 1x2, mác M150, dày 8cm.

- Khóa hè: Xây khóa hè bằng gạch không nung, trát ngoài VXM mác M75, dày 2,0cm; Lớp lót móng khóa hè bê tông đá 4x6, mác M150, dày 10cm.

- Bó vỉa: bằng đá tự nhiên kích thước 23x26x40cm (mái vát); vữa đệm VXM đệm M75, dày 2cm; Lớp lót bằng bê tông đá 4x6, mác M150, dày 10cm.

(Chi tiết có Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo).

10. Tổng mức đầu tư: 1.491.865.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

Chi phí xây lắp:	1.270.962.000	đồng
Chi phí QLDA:	36.769.000	đồng
Chi phí TVĐTXD:	133.036.000	đồng
Chi phí khác:	21.846.000	đồng
Chi phí dự phòng:	29.252.000	đồng

11. Nguồn vốn: Ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước.

Điều 2. Giao các bộ phận, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng; Thông báo số 41/TB-KT&HT ngày 30/01/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính xây dựng, Tài chính kế toán và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (T/h);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Quang Thành

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim)

CÔNG TRÌNH: LÁT ĐÁ VỈA HÈ TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 1A ĐI THÔN NGHĨA PHÚ, XÃ HOÀNG KIM, HUYỆN HOÀNG HOÁ

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				1.173.577.715	97.384.545	1.270.962.000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.173.577.715	97.384.545	1.270.962.000	
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	34.045.490	2.723.639	36.769.000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				123.180.931	9.854.953	133.036.000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo dự toán chi tiết	17.692.844	1.415.906	19.109.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,661%			68.820.601	5.505.648	74.326.000	
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,388%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	4.553.482	364.279	4.918.000	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	30.114.004	2.409.120	32.523.000	
3.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000	
3.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000	
4	Chi phí khác				20.579.419	1.266.208	21.846.000	Gk
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	

4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	4.251.815		4.251.815	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,96%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	14.321.904	1.145.752	15.467.656	
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	5%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	1.505.700	120.456	1.626.156	
5	Chi phí dự phòng						29.252.000	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2%		(Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			29.252.260	
	Tổng cộng				1.351.383.555	111.229.345	1.491.865.000	Gxdct
	Làm tròn						1.491.865.000	
<i>(Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)</i>								